

Bản án số: 131/2023/DS-PT

Ngày: 24/5/2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán:

ông Vũ Thanh Liêm

ông Đặng Kim Nhân

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** ông Lê Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2129/2023/QĐPT-HC ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** chị Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1996; Địa chỉ: USA (Hoa Kỳ).

Địa chỉ liên lạc: tỉnh Thừa Thiên Huế.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Trần Quang Q, sinh năm 1970; Địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Quang Q: bà Lê Thị Trà M (Vắng mặt) và bà Nguyễn Thị Gia H (Có mặt) - Luật sư, Công ty luật hợp danh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; Cùng địa chỉ: tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. ***Bị đơn:*** bà Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1976; Địa chỉ: 22 tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Hoàng Thị Thanh T: Luật sư Quý H – Văn phòng luật sư B, Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ D và người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quang Q trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết thân thiết với bà Hoàng Thị Thanh T nên chị Trần Thị Mỹ D đã cho bà T mượn tiền nhiều lần, tổng cộng số tiền mượn là 600.000.000đồng; cụ thể những lần mượn như sau:

Lần 1: Ngày 11/3/2018, mượn 15.000.000 đồng, bà T nói mượn tiền để làm răng;

Lần 2: Năm 2018 (không nhớ ngày) mượn 20.000.000 đồng, mượn tiền để bồi thường thay cho em của bà T;

Lần 3: Năm 2018 (không nhớ rõ ngày) mượn 25.000.000 đồng;

Lần 4: Ngày 03/12/2018, mượn 20.000.000 đồng;

Lần 5: Ngày 18/12/2018, mượn 180.000.000 đồng;

Lần 6: Năm 2019 (không nhớ ngày), mượn 20.000.000 đồng;

Lần 7: Năm 2019 (không nhớ ngày) mượn thêm 20.000.000 đồng;

Lần 8: Ngày 02/01/2019 bà T mượn 300.000.000 đồng, bà T nói mượn tiền để làm nhà.

Bà T đã trả nhiều lần được 93.000.000 đồng, số tiền còn nợ chưa trả là 507.000.000 đồng.

Vì tin tưởng bà T nên trong tất cả các lần mượn tiền nêu trên thì không lập thành văn bản gì. Sau nhiều lần đòi nợ nhưng bà T hứa hẹn khi nào chị D xây nhà thì bà sẽ trả lại cho chị D. Tuy nhiên bà T vẫn không trả.

Vì nghi ngờ bà T và sợ bà T không trả nên khi chị D gọi điện cho bà T thì chị D đã ghi âm lại các cuộc nói chuyện, tổng cộng 6 lần ghi âm, nội dung các cuộc nói chuyện này thể hiện bà T còn nợ chị D số tiền 507.000.000 đồng.

Trong đoạn tin nhắn giữa chị D và bà T thì bà T cũng đã thừa nhận còn nợ của chị D số tiền 507.000.000 đồng.

Do không đòi được số tiền còn nợ nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hoàng Thị Thanh T phải trả cho chị Trần Thị Mỹ D số tiền 507.000.000 đồng và không yêu cầu phải trả tiền lãi.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ cho Tòa án là 6 đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị D và bà T; 01 cuộc ghi âm nói chuyện giữa chị D với ông K (chồng bà T) và đoạn tin nhắn Messenger giữa chị D và bà T.

Bị đơn bà Hoàng Thị Thanh T trình bày:

Bà T và chị Trần Thị Mỹ D xem nhau như mẹ nuôi, con nuôi (không đăng ký về việc nhận nuôi con nuôi giữa hai người), cũng là quan hệ giữa đệ 1 tử và Thủ am nên giữa bà T và chị D đã nhiều lần cho, biếu tiền cho nhau.

Chị D nhiều lần cho bà T tiền và bà T cũng nhiều lần cho tiền chị D, do có nhiều lần cho qua, cho lại nên bà T không nhớ rõ số tiền giữa bà T và chị D đã cho qua, lại là bao nhiêu.

Việc chị D khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền là 507.000.000 đồng thì bà T hoàn toàn không đồng ý vì đây là số tiền cho, biếu chứ không phải là tiền mượn. Nếu mượn thì phải có giấy mượn tiền và có chữ ký của bà T.

Bà T thừa nhận nội dung 6 đoạn ghi âm (mà phía nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án và đã giao cho bà) là giọng nói của bà T. Tuy nhiên bà T khẳng định không vay mượn tiền gì từ phía chị D, việc chị D khởi kiện bà là không có căn cứ.

Đối với bản sao chụp tin Messenger của Facebook có tên “Hoàng T” thì bà cho rằng Messenger này do chị D tự đặt, tự tạo lập và đặt mật khẩu cho bà T và được lập cách đây khoảng 3 năm khi chị D còn ở Việt Nam (khi chị D thừa nhận con nuôi với bà T), về nội dung đoạn tin nhắn phía nguyên đơn cung cấp thì bà T hoàn toàn không biết về nội dung tin nhắn này và cũng không hề nhắn tin gì với chị D về số tiền nợ như nội dung tin nhắn mà phía nguyên đơn trình bày. Do chị D biết rõ tài khoản, mật khẩu của bà T nên bà T cho rằng chị D đã tự tạo đoạn tin nhắn này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2022 Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 479 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 116, 119, 161, 164, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D về yêu cầu bà Hoàng Thị Thanh T phải trả số tiền còn nợ là 507.000.000 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm: ngày 08/12/2022, chị Trần Thị Mỹ D (ông Trần Quang Q làm đại diện, sau đây gọi là nguyên đơn) kháng cáo đề nghị sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bà T phải trả số tiền còn nợ là 507.000.000 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút đơn kháng cáo mà vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo như trên; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các nội dung kháng cáo của nguyên đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Sau khi nghe: Người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo; Ý kiến của các bên liên quan đến nội dung kháng cáo và tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn xét xử phúc thẩm và quan điểm của Viện kiểm sát về giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn (ông Trần Quang Q đại diện) đề nghị sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, buộc bà T phải trả số tiền còn nợ là 507.000.000 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D thì thấy:

Chị D cho rằng trong thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 01/2019 có cho bà T mượn tiền 08 lần, tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Bà T đã trả nhiều lần được 93.000.000 đồng, còn nợ 507.000.000 đồng. Vì tin tưởng bà T nên trong tất cả các lần mượn tiền nêu trên thì không lập thành văn bản gì. Bà T thì cho rằng: Bà và chị D xem nhau như mẹ nuôi, con nuôi (không đăng ký về việc nhận nuôi con nuôi giữa hai

người), cũng là quan hệ giữa đệ tử và Thủ am nên giữa bà T và chị D đã nhiều lần cho, biếu tiền cho nhau, số tiền đã cho qua, lại là bao nhiêu thì bà T không nhớ. Để chứng minh việc bà T có mượn tiền, chị D xuất trình nội dung 6 đoạn ghi âm; một đoạn tin nhắn Messenger giữa chị D và bà T. Đối với các chứng cứ chị D cung cấp: Bản án sơ thẩm nhận định: “*trong các cuộc ghi âm đều có nội dung không rõ ràng về việc bà T thừa nhận còn nợ của chị D số tiền 507.000.000 đồng*”; “*bản nội dung tin nhắn phía nguyên đơn cung cấp là bản phô tô không đúng quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của chị D*”. Nhận định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ vì: Bà T và chị D xem nhau như mẹ nuôi, con nuôi; chị D cũng thừa nhận có quan hệ thân thiết với bà T; khi chuyển tiền cho bà T thì chị D cũng không xác định mục đích, nội dung chuyển tiền cho bà T là cho mượn; Việc chị D khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền là 507.000.000 đồng thì bà T không thừa nhận. Các chứng cứ chị D xuất trình để chứng minh việc bà T mượn tiền không rõ ràng nên bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị D là có căn cứ.

[2]. Từ những nhận định trên, có căn cứ để khẳng định Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D về việc đòi lại số tiền 507.000.000 đồng cho bà Hoàng Thị Thanh T vay là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Trần Thị Mỹ D kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới nên kháng cáo của chị Trần Thị Mỹ D không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị Trần Thị Mỹ D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – chị Trần Thị Mỹ D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Áp dụng các Điều 116, 119, 161, 164, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Mỹ D về yêu cầu bà Hoàng Thị Thanh T phải trả số tiền còn nợ là 507.000.000 đồng cho chị Trần Thị Mỹ D.

2. *Án phí dân sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.*

Chị Trần Thị Mỹ D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm án phí đã nộp tại biên lai số 0000240 ngày 28/12/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Các quyết định về: Án phí dân sự sơ thẩm; Quy định về thi hành án được thực hiện theo quyết định tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2022/DS-ST ngày 24/11/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG PHIÊN HỌP PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến